

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG CHẾ CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM THÔNG QUA VIỆC KHẮC PHỤC CÁC RÀO CẢN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NÀY

ThS. Hoàng Thị Hải Yến

Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học QGHN

Tóm tắt:

Một trong số các chỉ tiêu đánh giá năng lực cạnh tranh của các trường đại học hiện nay là năng lực nghiên cứu khoa học, trong đó, sáng chế là một loại sản phẩm đặc biệt của nghiên cứu. Số lượng và chất lượng của sáng chế không chỉ nói lên năng lực nghiên cứu của một trường đại học mà còn cho thấy năng lực cạnh tranh về khoa học và công nghệ (KH&CN) và kinh tế của một quốc gia. Với sự mệnh trong việc phát triển KH&CN và kinh tế quốc gia thì các trường đại học không thể thờ ơ với hoạt động sáng tạo và bảo hộ sáng chế. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng sáng chế được tạo ra bởi các trường đại học Việt Nam hiện nay nói chung vẫn còn nhiều hạn chế. Bài nghiên cứu này chỉ ra thực trạng hoạt động sáng chế tại các trường đại học công lập Việt Nam, phân tích các rào cản để từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sáng chế của các trường đại học công lập Việt Nam.

Một số khái niệm liên quan tới sáng chế và bảo hộ sáng chế xin mời xem trong Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hoạt động sáng chế tại các trường đại học công lập ở đây được hiểu là một chuỗi hoạt động để tạo ra sáng chế và khai thác cũng như bảo vệ sáng chế được tạo ra từ nguồn kinh phí của trường. Cần nhận thấy rằng nhiệm vụ chủ yếu của các trường đại học là đào tạo và nghiên cứu, do vậy khi đánh giá hiệu quả hoạt động sáng chế ở các trường đại học thì hiệu quả về khía cạnh kinh tế/thương mại được xếp ở hàng thứ yếu.

Từ khóa: Đại học công lập, Sở hữu trí tuệ, Hoạt động sáng chế, Năng lực nghiên cứu khoa học.

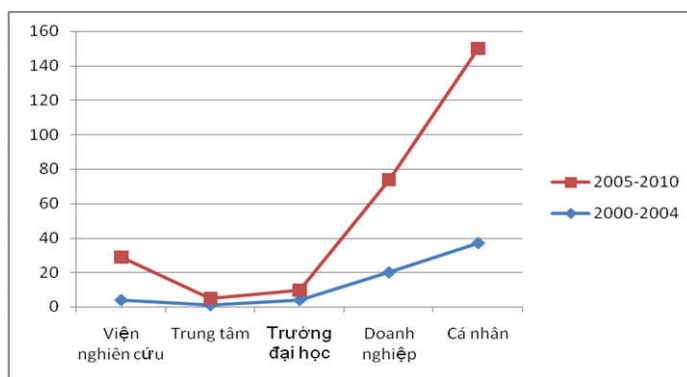
1. Thực trạng hoạt động sáng chế của các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay

1.1. Hoạt động sáng tạo và xác lập quyền đối với sáng chế

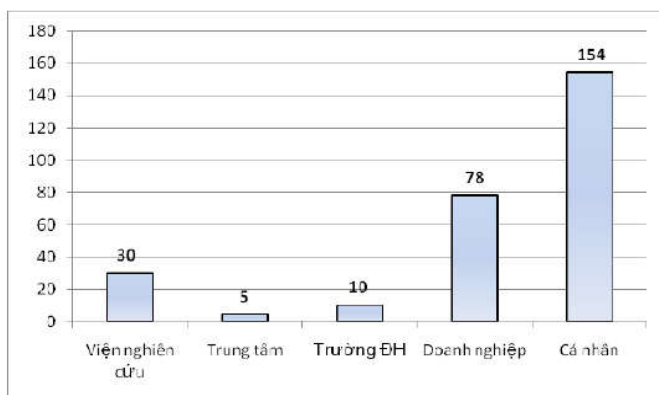
Các trường đại học công lập Việt Nam có tiềm lực về nhân lực rất lớn tham gia vào hoạt động sáng tạo với 337 trường đại học công lập và cao đẳng, hơn 70 ngàn giáo viên, trong đó số giáo viên có trình độ trên đại học là 45 ngàn và hàng trăm ngàn sinh viên theo học mỗi năm¹. Trong số đó thì chỉ

¹ Theo thống kê của Tổng cục thống kê Việt Nam, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=435&idmid=3>

có các trường thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn không thể có sáng chế và một số ít lĩnh vực nghiên cứu của các trường thuộc đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế². Khảo sát số liệu công bố của Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy số lượng sáng chế của các trường đại học công lập được đăng ký chiếm tỉ lệ nhỏ so với các chủ thể khác và có tốc độ tăng chậm³. Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (tính từ 01/01/2000 đến 19/4/2011), số lượng sáng chế được cấp bằng độc quyền sáng chế của các trường đại học công lập chỉ chiếm 4%, số bằng độc quyền giải pháp hữu ích chỉ chiếm dưới 3%. Cụ thể có thể thấy qua các biểu đồ sau:



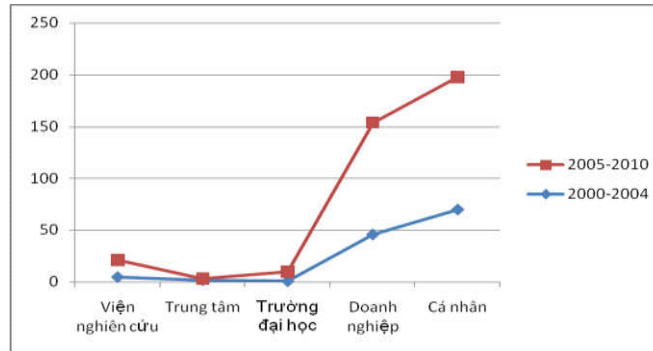
Biểu đồ 1: Số lượng đơn sáng chế phân bố theo chủ thể



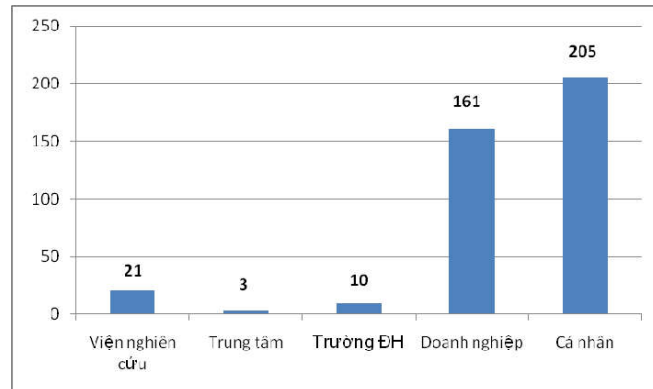
Biểu đồ 2: Số lượng bằng độc quyền sáng chế được cấp phân bố theo chủ thể

² Xin xem thêm Điều 59, Luật SHTT: Đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế và Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN ngày 04/9/2008 của Bộ KH&CN và Quyết định số 37/QĐ-BKH&CN ngày 14/01/2009 của Bộ KH&CN đính chính Quyết định 12/2008/QĐ-BKH&CN).

³ Tác giả chỉ khảo sát số lượng sáng chế được đăng ký với chủ đơn đứng tên là trường đại học công lập.



Biểu đồ 3: Số lượng đơn giải pháp hữu ích phân bố theo chủ thể



Biểu đồ 4: Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích được cấp phân bố theo chủ thể

(Nguồn biểu đồ 1, 2, 3, 4: Cục Sở hữu trí tuệ, Công văn số 4561/SHTT-TT về việc cung cấp thông tin đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, ngày 29/7/2011)

Thống kê của tác giả trên cơ sở dữ liệu của Cục tính từ tháng 5/2011 đến nay số đơn sáng chế của các trường tăng thêm 19 đơn, số đơn giải pháp hữu ích tăng thêm 03 đơn và có thêm 08 sáng chế được cấp bằng độc quyền sáng chế, 08 sáng chế được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

Một điều đáng lưu ý là số sáng chế đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ tính tới nay tập trung chủ yếu ở một số trường đại học công lập lớn của Việt Nam. Bắt đầu từ năm 2011 mới có sự xuất hiện của trường đại học dân lập trong hoạt động này.

Về mặt chất lượng, các chuyên gia của Cục có đưa ra nhận định: “Chất lượng của các đơn đăng ký sáng chế của chủ đơn Việt Nam chưa cao, chủ yếu thể hiện ở chất lượng của bản mô tả còn kém (không được mô tả một

cách đây đủ, đồng nhất, rõ ràng; không minh họa được khả năng áp dụng của giải pháp để chuyên gia trong lĩnh vực thẩm định được giải pháp), do đó khả năng cấp bằng không cao”⁴. Đây cũng là nguyên nhân chính lý giải tỷ lệ đơn bị từ chối khi xét nghiệm hình thức của các trường đại học công lập cao. Hầu hết các đơn bị từ chối nằm trong trường hợp các trường tự đi đăng ký mà không thuê đại diện sở hữu công nghiệp⁵.

1.2. Hoạt động thương mại hóa quyền đối với sáng chế

Các trường đại học công lập hiện nay chủ yếu thương mại hóa quyền đối với sáng chế bằng cách tự khai thác hoặc chuyển giao cho một bên thứ hai. Qua các báo cáo hằng năm của Cục Sở hữu trí tuệ thì chưa thấy có một hợp đồng chuyển giao nào đối với sáng chế của trường đại học công lập. Điều này cho thấy giá trị kinh tế có được từ bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích chưa được các trường khai thác hiệu quả.

Các sáng chế được tạo ra từ nguồn kinh phí của trường nhưng do cá nhân tác giả đi đăng ký sáng chế thì cá nhân đó tự khai thác thương mại đối với sáng chế đó và các trường khó kiểm soát được điều này. Đơn cử như Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, theo công bố trên website của Nhà trường có tới 09 sáng chế được cấp bằng độc quyền sáng chế và người nộp đơn ở đây là các trường thành viên. Tuy nhiên, khi tra cứu dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy tất cả những sáng chế này đều được đăng ký dưới dạng cá nhân và chủ văn bằng ở đây chính là những tác giả sáng chế.

1.3. Hoạt động bảo vệ quyền đối với sáng chế

Theo khảo sát của tác giả, điểm đáng ghi nhận là tới nay chưa thấy có vụ xâm phạm quyền nào liên quan tới sáng chế của các trường đại học công lập. Tuy nhiên thực tế đó không chứng minh được rằng các sáng chế đó sẽ không có nguy cơ bị xâm phạm quyền. Biện pháp chủ đạo hiện nay là nâng cao nhận thức của giảng viên và sinh viên với hai hình thức chủ đạo là giảng dạy và tuyên truyền về sở hữu trí tuệ. Các biện pháp mạnh hơn như thiết lập một bộ phận chuyên trách và một hệ thống kiểm soát sáng chế hay sở hữu trí tuệ mới được một số ít trường triển khai.

2. Nhận dạng các rào cản đối với hoạt động sáng chế tại các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay

Từ những nhìn nhận và phân tích trên, một số các rào cản đối với hoạt động sáng chế của các trường đại học công lập Việt Nam có thể được chỉ ra như sau:

⁴ Cục Sở hữu trí tuệ, Công văn đã trích, tr.3

⁵ Xin mời tra cứu tình trạng pháp lý của đơn tại <http://iplib.noip.gov.vn/>

2.1. Cách thức sử dụng ngân sách nhà nước chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học

Thực tế cho thấy ngân sách nhà nước cấp cho các trường đại học công lập để thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không hề nhỏ nhưng vì sao số lượng sáng chế tạo ra chưa tương xứng với nguồn kinh phí đó thì câu trả lời tác giả mạnh dạn đưa ra ở đây là do cách thức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học chưa phù hợp. Dưới đây là số liệu chi ngân sách Nhà nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học đối với hai trường đại học công lập lớn của Quốc gia là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh:

Bảng 1: Kinh phí từ ngân sách Nhà nước chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội

(đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Đơn vị	2006	2007	2008	2009	2010
1.	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	14800	13115	10715	10815	10280
2.	Trường ĐHKHXH&NV	1760	2210	2830	3510	5020
3.	Trường Đại học Ngoại ngữ	1280	1320	1620	1960	1410
4.	Trường Đại học Công nghệ	2085	2620	1955	4538	2620
5.	Trường Đại học Kinh tế	580	630	900	1595	1785
6.	Trường Đại học Giáo dục	380	380	865	1120	545
7.	Khoa Luật	490	460	580	500	590

(Nguồn: Ban KH&CN Đại học Quốc gia Hà Nội)

Bảng 2: Kinh phí từ ngân sách nhà nước chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Đơn vị	2006	2007	2008	2009	2010
1	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	5959	6508	18427	9235	6319
2	Trường ĐH KHXH&NV	1251	2300	3598	1855	2130
3	Trường ĐH Bách khoa	6769	10331	20129	13076	12241
4	Trường ĐH Quốc tế	655	431	570	1240	1550
5	Trường ĐH Công nghệ thông tin	530	260	593	691	1125
6	Trường ĐH Kinh tế - Luật	280	770	375	400	417

(Nguồn: Ban KH&CN Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh)

Số liệu này cho thấy đầu tư cho nghiên cứu những lĩnh vực có khả năng tạo ra sáng chế như khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật được ưu tiên tại cả hai trường. Mặc dù vậy, số lượng sáng chế được cấp bằng độc quyền còn rất khiêm tốn. Số liệu công bố trên website của trường⁶, cho thấy tới thời điểm này: Đại học Quốc gia Hà Nội có 01 Bằng độc quyền sáng chế, 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có 09 Bằng độc quyền sáng chế, 02 bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Vậy nguyên nhân của thực trạng này phải chăng do việc phân bổ kinh phí chưa phù hợp? Nếu đầu tư dàn trải cho các nghiên cứu thì điều tất nhiên là khó có được những thành quả vượt trội. Theo tác giả được biết tại hai trường này, kinh phí cấp cho mỗi đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường đối với giảng viên thường khoảng vài chục triệu tới vài trăm triệu, còn đối với các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thì được đầu tư khoảng 100.000/đề tài. Với kinh phí đầu tư như vậy thì quả thực khó có thể tạo ra các kết quả nghiên cứu có giá trị lớn, đặc biệt là các kết quả nghiên cứu đòi hỏi thử nghiệm và ứng dụng như sáng chế.

2.2. Định hướng nghiên cứu trong các trường đại học công lập

Việc định hướng nghiên cứu đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra giá trị của kết quả nghiên cứu, cụ thể là nó sẽ giúp:

- Khai thác thế mạnh quốc gia;
- Nắm bắt kịp xu hướng phát triển KH&CN: Đây là điều rất quan trọng bởi nó sẽ loại bỏ cái người khác đã tạo ra để tránh làm mất tính mới của sáng chế khi đăng ký;
- Đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên thực tế về hoạt động sáng chế của các trường đại học công lập lại đang cho thấy các trường chưa tạo lập được cơ sở để chúng ta có được những lợi ích trên.

Theo thống kê và phân loại về bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích của trường đại học công lập (thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ từ 01/01/2000 đến 19/4/2011) cho thấy hầu hết các giải pháp kỹ thuật này tập trung ở nhóm C - nhóm hóa học luyện kim và một vài giải pháp thuộc nhóm A - nhóm các nhu cầu đời sống của con người⁷. Điều này cho thấy rằng việc đầu tư cho nghiên cứu của các ngành là không đồng đều và thiếu những sáng chế thuộc thế mạnh của Việt Nam.

⁶ Tham khảo về số lượng đơn và bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích của Đại học Quốc gia Hà Nội tại: <http://www.vnu.edu.vn/home/?C2024>, của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại: http://khen.vnuhcm.edu.vn/website/notice.aspx?_pageId=6®ist=1

⁷ Cụ thể xin xem trong phần phụ lục của bài viết, nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ.

2.3. Chính sách xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ

Năm 2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quy định số 78/2008/QĐ-BGDĐT về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học công lập. Theo đó, một số trường đại học công lập, cao đẳng đã có quy chế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng tới khả năng tạo ra và phát triển các sáng chế của các trường như sau:

Trước hết, cơ sở về xác lập quyền và phân chia quyền lợi cũng như trách nhiệm của các bên liên quan đối với tài sản trí tuệ được tạo ra từ nguồn ngân sách Nhà nước hay kinh phí của trường chưa được xác định rõ ràng và thỏa đáng trong các quy định của Nhà nước nói chung, của các trường nói riêng. Các quy định hiện nay chưa phân biệt được giữa quyền tác giả và quyền của tác giả nên đôi khi gây ra những nhầm lẫn trong việc phân định quyền. Việc xác định quyền của tác giả, chủ sở hữu và quyền của chủ sở hữu trong các trường hợp sáng chế công vụ nói chung còn gặp nhiều vướng mắc trong thực tế do chưa có quy định rõ ràng và phù hợp. Bên cạnh đó, khó khăn hơn đối với trường đại học công lập là xác định quyền lợi và trách nhiệm đối với các sáng chế được tạo ra từ các nghiên cứu của sinh viên. Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học công lập, cao đẳng (Ban hành kèm Quyết định số 08/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) không có một quy định cụ thể nào về vấn đề chủ sở hữu hay ai sẽ là người có quyền đăng ký sáng chế nếu có trong các kết quả nghiên cứu mà sinh viên của các trường thực hiện, còn tại một số trường đại học công lập, cao đẳng thì xác định chủ sở hữu thành quả sáng tạo của sinh viên thuộc về Nhà trường. Sinh viên nghiên cứu khoa học được nhận hỗ trợ tài chính dưới hình thức tiền công, tiền thù lao, thu nhập, hay tài trợ cấp cho hoạt động nghiên cứu ở mức rất nhỏ, đòi hỏi nỗ lực trí tuệ rất lớn từ các nhà nghiên cứu nhưng không được ghi nhận là chủ sở hữu tài sản trí tuệ có thể là một bất cập khiến chúng ta cần xem xét kỹ hơn về vấn đề chủ sở hữu các sáng chế ở đây.

Thứ hai, còn thiếu các điều kiện để giúp đỡ các nhà nghiên cứu sáng tạo, xác lập quyền, thương mại hóa quyền và bảo vệ quyền đối với sáng tạo. Nhà nước đã có một số văn bản pháp quy và các quy định về khuyến khích hoạt động sáng tạo được ban hành với các chính sách hỗ trợ được thực hiện bởi Thông tư 52/2007/TT-BTC ngày 21/05/2007 về Hướng dẫn chế độ tài chính cho hoạt động Hội thi sáng tạo kỹ thuật liên quan đến việc xác lập quyền, ví dụ: “Hỗ trợ tác giả đăng ký quyền sở hữu trí tuệ: không quá 6,5 triệu đồng/1 sáng chế, ...” (Mục 2.3, Khoản 2-II, Thông tư số 52/2007/TT-BTC ngày 21/05/2007). Tuy nhiên, điều này chưa được các trường đại học công lập quy định thành một văn bản cụ thể trong chính sách xây dựng và

phát triển tài sản trí tuệ của trường. Các hình thức hỗ trợ khác như thành lập một bộ phận chuyên trách về sở hữu trí tuệ cũng được rất ít trường tiến hành.

Thứ ba, trong quy chế quản lý tài sản trí tuệ của một số trường cho thấy chính sách thương mại hóa tài sản trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ chưa rõ ràng. Dù rằng Việt Nam đã tạo ra một khung khổ pháp lý thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tuy nhiên những điểm còn chồng chéo và chưa thống nhất giữa các văn bản này gây khó khăn cho chuyển giao công nghệ. Do vậy, các trường cần có những giải pháp cụ thể hơn trong thương mại hóa tài sản trí tuệ của mình. Ví dụ như việc phân chia quyền lợi giữa các bên khi một sáng chế được thương mại.

2.4. Trang bị các kiến thức và kỹ năng về sở hữu trí tuệ nói chung, sáng chế nói riêng

Trong Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo không có bất cứ điều khoản nào yêu cầu các trường cần phải đưa môn học về quyền sở hữu trí tuệ nói chung vào chương trình đào tạo, do đó hoạt động này hiện nay mới được triển khai độc lập theo nhu cầu tùy từng trường⁸.

Việc thiếu trang bị các kiến thức về sở hữu trí tuệ không chỉ hạn chế nhận thức của cả giảng viên lẫn sinh viên về sở hữu trí tuệ nói chung, sáng chế nói riêng mà còn hạn chế khả năng khai thác các lợi ích từ thông tin sáng chế đối với hoạt động sáng tạo. Thông tin sáng chế là một nguồn thông tin quan trọng phản ánh tình trạng pháp lý và bản chất kỹ thuật của sáng chế được bộc lộ công khai khi sáng chế đăng ký, do đó, bất kỳ ai cũng có thể tham khảo, rất hữu ích cho cả người nghiên cứu lẫn người khai thác kết quả nghiên cứu bởi nó giúp *tránh nghiên cứu trùng lặp và theo dõi sự phát triển xu hướng công nghệ và tình hình cạnh tranh liên quan đến công nghệ.*

3. Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động sáng chế tại các trường đại học công lập

3.1. Tăng cường triển khai hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng về sở hữu trí tuệ

Việc đưa các môn học liên quan tới sở hữu trí tuệ nói chung và sáng chế nói riêng vào giảng dạy tại các trường đại học công lập là nhu cầu bức thiết của xã hội hiện đại, do đó Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như tự thân các trường đại học công lập cần có định hướng cụ thể trong việc này. Phụ thuộc vào

⁸ Xin tham khảo thêm các nghiên cứu có liên quan của TS. Nguyễn Thị Quế Anh (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội): *tapchi.vnu.edu.vn/1_208_KThuat/2.pdf*, TS. Trần Văn Hải (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội): *Tap chí Hoạt động khoa học, Bộ Khoa học và Công nghệ, số 573, tháng 2/2007.*

từng cơ sở đào tạo, giảng dạy và đào tạo về sở hữu trí tuệ có thể chỉ dừng ở mức độ là một môn học, hoặc có thể các mức độ cao hơn như đào tạo chuyên ngành trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, có thể tồn tại độc lập hay lồng ghép với các môn học chuyên ngành có liên quan.

3.2. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ các nhà sáng chế

Thứ nhất, tăng đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho nghiên cứu khoa học là một động lực khuyến khích sáng tạo, đồng thời cũng là giải pháp nâng cao chất lượng của thành quả sáng tạo. Chính sách đầu tư cho nghiên cứu và triển khai cần được rõ ràng và xác định trọng điểm, cả về hướng nghiên cứu và đơn vị được nhận đầu tư. Nhà nước cũng như các trường đại học nên xác định hướng trọng điểm nghiên cứu về các lĩnh vực Việt Nam có thể mạnh hay đang ưu tiên phát triển trước (do nhu cầu xã hội cần).

Thứ hai, định hướng nghiên cứu là điều quan trọng. Mô hình nhóm nghiên cứu với vai trò của những chuyên gia đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu sẽ giúp tăng chất lượng của các sáng chế được tạo ra.

Thứ ba, cần có bộ phận chuyên trách về sở hữu trí tuệ giúp tư vấn cũng như tiến hành các hoạt động liên quan tới khía cạnh sở hữu trí tuệ, có thể là một đơn vị độc lập hoặc trực thuộc phòng KH&CN của đơn vị, có chức năng:

- Giúp nhà nghiên cứu tra cứu thành thạo thông tin sáng chế để phục vụ nghiên cứu;
- Tư vấn song hành cùng nghiên cứu để kết quả nghiên cứu có khả năng bảo hộ cao nhất (đảm bảo các yêu cầu bảo hộ);
- Đóng vai trò là cầu nối giữa nhà sáng chế và người có nhu cầu khai thác, áp dụng sáng chế để giúp thương mại hóa quyền đối với sáng chế đạt hiệu quả cao nhất.

Thực tế hiện nay một số trường đã triển khai mô hình này và bước đầu đạt những thành quả nhất định.

3.3. Xây dựng và thực thi quy chế quản lý tài sản trí tuệ nói chung, sáng chế nói riêng

Xây dựng quy chế quản lý đối với tài sản trí tuệ nói chung đang trở thành vấn đề cấp bách đặt ra đối với các trường đại học công lập hiện nay. Các trường đại học công lập cần đưa ra các chính sách cụ thể đối với tài sản trí tuệ được tạo ra trong trường đại học công lập và có chiến lược khai thác, phát triển một cách hiệu quả, tránh tình trạng thất thoát tài sản trí tuệ như hiện nay. Trong đó đáng lưu ý với một số quy định về:

- *Tác giả và quyền của tác giả đối với tài sản trí tuệ của trường.*

- + Tác giả là người trực tiếp sáng tạo nên kết quả nghiên cứu;
- + Quyền của tác giả: tác giả được hưởng toàn bộ quyền nhân thân không thể chuyển giao (quy định tại Điều 19.1, 19.2 và 19.4, Luật Sở hữu trí tuệ). Quyền công bố tác phẩm và quyền tài sản được xác định trong từng trường hợp cụ thể theo thỏa thuận của hợp đồng và quy định về phân chia quyền lợi giữa tác giả, chủ sở hữu đối với tài sản trí tuệ của trường trong quy định này.
- *Chủ sở hữu và quyền của chủ sở hữu đối với tài sản trí tuệ của trường.*
 - + Nhà trường là chủ sở hữu đối với tài sản trí tuệ được tạo ra trên cơ sở văn bản giao nhiệm vụ thực hiện hoặc hợp đồng ký kết giữa Nhà trường với đối tượng thực hiện, có sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác trong nước, quốc tế thông qua trường, hoặc từ kinh phí của trường; sử dụng thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của trường;
 - + Đối với các trường hợp khác, chủ sở hữu được xác định theo các thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp không có hợp đồng thì người thực hiện chính là chủ sở hữu đối với kết quả nghiên cứu do mình tạo ra;
 - + Quyền của chủ sở hữu: chủ sở hữu có quyền công bố (quy định tại Điều 19.3, Luật Sở hữu trí tuệ) và hưởng quyền tài sản theo thỏa thuận của hợp đồng và quy định về phân chia quyền lợi giữa tác giả, chủ sở hữu đối với tài sản trí tuệ của trường trong quy định này.
- *Phân chia lợi nhuận đối với tài sản trí tuệ của trường.*

Việc phân chia lợi nhuận giữa tác giả và chủ sở hữu tài sản trí tuệ đối với tài sản trí tuệ cần rõ ràng trong từng trường hợp: sử dụng toàn bộ/một phần ngân sách nhà nước hoặc hợp tác trong nước, quốc tế thông qua trường, hoặc kinh phí của trường; thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của trường. Cụ thể đối với sáng chế, sự phân chia lợi nhuận cũng cần được xác định rõ ở đây giữa tác giả và chủ sở hữu trong mỗi lần chuyển giao quyền đối với sáng chế.

Phụ lục 1. Thông tin về Bằng độc quyền sáng chế của các trường đại học công lập

(Tính từ 01/01/2000 đến 19/4/2011)

Số đơn	Số bằng	Tên sáng chế	Phân nhóm theo IPC							
			A	B	C	D	E	F	G	H
1-1999-00857	1897	Hợp chất rotundin sulfat dạng tinh thể và dược phẩm chứa nó	1							
1-2008-00192	8317	Hợp chất dracagenin B và phương pháp chiết hợp chất này từ cây huyết giáp <i>Dracaena cambodiana</i>	1							
1-2000-00442	3638	Quy trình sản xuất huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất và sinh phẩm huyết thanh kháng nọc rắn hổ đất			1					
1-2000-00443	3637	Quy trình SX huyết thanh kháng nọc rắn chàm quạp và sinh phẩm huyết thanh kháng nọc rắn chàm quạp			1					
1-2002-00243	3809	Phương pháp tinh luyện thép ngoài lò			1					
1-2006-00932	8077	Phương pháp tổng hợp vật liệu nano-zeolit X từ cao lanh			1					
1-2006-00933	8078	Phương pháp sản xuất zeolit NaX trực tiếp từ cao lanh không nung			1					
1-2006-00934	8079	Phương pháp sản xuất zeolit NaY trực tiếp từ cao lanh không nung			1					
1-2007-01077	7523	Phương pháp sản xuất sinh khối tế bào rễ sâm Ngọc Linh			1					
1-2006-00458	6017	Tủ kích từ điều khiển số cho máy phát nhà máy thủy điện								1
		Tổng	2	0	7	0	0	0	0	1

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ, Công văn số 4561/SHTT-TT về việc cung cấp thông tin đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, ngày 29/7/2011, Hà Nội

Phụ lục 2. Thông tin về Bằng độc quyền giải pháp hữu ích của các trường đại học công lập

(Tính từ 01/01/2000 đến 19/4/2011)

Số đơn	Số bằng	Tên giải pháp hữu ích	Phân nhóm theo IPC							
			A	B	C	D	E	F	G	H
2-2003-00034	396	Cơ cấu giữ đá quý trên đồ trang sức	1							
2-2004-00149	450	Phương pháp sản xuất fero mangan cacbon trung bình			1					
2-2006-00103	805	Phương pháp sản xuất zeolit 4A từ caolan VN			1					
2-2006-00104	806	Phương pháp sản xuất zeolit NaY có tỉ số Si/Al=1,9 từ caolan VN			1					
2-2006-00105	807	Phương pháp sản xuất zeolit 13X từ caolan VN			1					
2-2009-00007	808	Phương pháp tổng hợp zeolit NaY từ khoáng sét phlogopit			1					
2-2009-00008	809	Phương pháp tổng hợp zeolit NaX từ khoáng sét phlogopit			1					
2-2009-00009	810	Phương pháp tổng hợp zeolit NaP1 từ khoáng sét phlogopit			1					
2-2009-00010	811	Phương pháp tổng hợp zeolit NaA từ khoáng sét phlogopit			1					
2-2009-00022	821	Phương pháp chiết suất và tinh chế dầu đa điều			1					
		Tổng	1	0	9	0	0	0	0	0

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ, Công văn số 4561/SHTT-TT về việc cung cấp thông tin đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, ngày 29/7/2011, Hà Nội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi bổ sung năm 2009.
2. Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng.
3. Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học.
4. Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc Ban hành một số Bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ và Quyết định số 37/QĐ-BKH&CN ngày 14/01/2009 của Bộ KH&CN đính chính Quyết định 12/2008/QĐ-BKH&CN.
5. Thông tư số 52/2007/TT-BTC ngày 21/05/2007 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ tài chính cho hoạt động Hội thi sáng tạo kỹ thuật liên quan đến việc xác lập quyền.
6. Cục Sở hữu trí tuệ. (2000, 2011) Báo cáo hàng năm.
7. Công văn số 4561/SHTT-TT ngày 29/7/2011 của Cục Sở hữu trí tuệ Về việc cung cấp thông tin đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích.
8. Trần Văn Hải. (2007) *Đào tạo nhân lực sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập*. Tạp chí Hoạt động khoa học, Số 573, tháng 2/2007.
9. Nguyễn Thị Quế Anh. (2008) *Nhu cầu đào tạo sở hữu trí tuệ trong các trường đại học công lập ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật 24 (2008), tr. 9-17
10. Website:
<http://www.vnu.edu.vn/home/?C2024>
http://khen.vnuhcm.edu.vn/website/notice.aspx?_pageId=6®ist=1
<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=435&idmid=3>